TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 239/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 06/8/2018
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B-TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Trí

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thái Hòa – Cán bộ hưu trí

Bà Thiều Thị Phi Loan - Cán bộ hưu trí

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Nhàn – Thư ký Tòa án nhân dân TP. B, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. B: Bà Đặng Hoàng Oanh -Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1126/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 445/2018/QĐXX-ST ngày 16/7/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lương Minh H, sinh năm 1974
Địa chỉ: 358, tổ 13, ấp M, xã P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai
- Bị đơn: Bà Thi Tô C, sinh năm 1976
Địa chỉ: 358, tổ 13, ấp M, xã P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai
(Ông Hiếu, bà Châu có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lương Minh H trình bày:

Ông và bà Thi Tô C xây dựng gia đình với nhau vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại UBND Xã P, TP.B, Đồng Nai, hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống bà C thường xuyên chơi bài bạc, bỏ nhà đi, không quan tâm đến gia đình. Mặc dù, ông đã nhiều lần khuyên nhủ bà C nhưng bà C không hề thay đổi. Hiện ông không còn

tình cảm với bà C. Xét thấy, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông xin ly hôn với bà C.

Về con chung: có một cháu tên Lương Minh T, sinh ngày 30/10/2000, ly hôn ông xin nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận

Về nợ chung: Không có

Bị đơn bà Thi Tô C trình bày:

Bà và ông Lương Minh H xây dựng gia đình với nhau vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại UBND Xã P, TP.B, tỉnh Đồng Nai, hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống ông H có người phụ nữ khác nên bà buồn dẫn đến cờ bạc, nhiều lần ghen nhưng do bị đánh nên bà không dám nói. Bà vẫn còn tình cảm với ông H nên bà không đồng ý ly hôn.

Về con chung: có một cháu tên Lương Minh T, sinh ngày 30/10/2000, ly hôn bà tôn trọng quyết định của cháu T, nếu cháu muốn sống với ông H thì bà đồng ý giao cho ông H nuôi dưỡng còn nếu cháu muốn sống với bà thì bà xin nhận nuôi, không ai cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa, bà C trình bày có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu T.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận

Về nợ chung: Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn có mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử có mặt quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lương Minh H và bà Thi Tô C xây dựng gia đình với nhau vào năm 2000 có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, ông H khởi kiện vụ án xin ly hôn nên Hội đồng xét xử áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[3] Về yêu cầu xin ly hôn của ông H xét thấy:

Quá trình giải quyết vụ án, ông H trình bày vợ chồng bà đã phát sinh mẫu thuẫn trầm trọng, cả hai không thể hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn. Theo bà C trình bày bà không đồng ý ly hôn với ông H. Vì bà vẫn còn tình cảm với ông H nên đề nghị được hàn gắn, đoàn tụ.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã cố gắng hòa giải nhưng ông H vẫn kiên quyết xin ly hôn vì mâu thuẫn không thể hàn gắn, đoàn tụ. Bà C cũng thừa nhận có sự việc bà đánh bài nên dẫn đến mâu thuẫn gia đình. Ngoài ra, tại phiên tòa bà C trình bày do

ông H có người phụ nữ khác nên đã dẫn đến mâu thuẫn gia đình. Lời trình bày của bà không được ông H thừa nhận và bà C cũng không có chứng cứ để chứng minh. Ông H, bà C thừa nhận mâu thuẫn giữa ông, bà hiện nay vẫn không thể giải quyết.

Hội đồng xét xử nhận thấy, theo kết quả xác minh tại địa phương thể hiện trong quá trình chung sống ông H, bà C thường xuyên mâu thuẫn cãi nhau, ông H bà C đã không còn chung sống với nhau (BL 21). Như vậy, mâu thuẫn giữa vợ chồng ông H, bà C là có thật. Cả hai đều không tìm cách hàn gắn quan hệ vợ chồng, hôn nhân đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông H, cho ông H được ly hôn bà C.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống ông H, bà C có một con chung là cháu tên Lương Minh T, sinh ngày 30/10/2000, ly hôn ông H xin nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa, bà C cũng có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu T và cũng không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, theo kết quả xác minh tại địa phượng thể hiện cháu Lương Minh T hiện đang do ông H chăm sóc, nuôi dưỡng (BL 21) và cháu T đã ý kiến xin được ở với ông H. Vì vậy, giao cháu Lương Minh T, sinh ngày 30/10/2000 cho ông H nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, tạm thời bà C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Bà C được quyền đi lại thăm nuôi con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của trẻ khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung

[5] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có, không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Ông H phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[8] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông H; Về con chung: Giao cháu Lương Minh T, sinh ngày 30/10/2000 cho ông H nuôi dưỡng; Về tài sản chung và nợ chung: không đặt ra xem xét giải quyết; Về án phí: ông H phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 ; Điều 235; Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 51, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Lương Minh H và bà Thi Tô C.

- Về nuôi con chung: Giao cháu Lương Minh T, sinh ngày 30/10/2000 cho ông Lương Minh H nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, tạm thời bà C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Bà C được quyền đi lại thăm nuôi con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của trẻ khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung

- Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

- Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm ông H phải chịu 300.000đ, trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí ông H đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố B theo biên lai thu số 007273 ngày 10/5/2018.

Ông H, bà C được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
-Tòa án tỉnh Đồng Nai;
-VKSND TP.B;
-THADS TP.B;
-Các đương sự (2);
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu (3).

Nguyễn Thị Ngọc Trí

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**